

Số: 673/2018/QĐ-VDS

Thủ Đức, ngày 29 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ **việc dân sự** thụ lý số: 599/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh năm 1990
Hộ khẩu thường trú: Số nhà 5 Đường 3, Tổ 4, Khu phố 5, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 11, Khu phố 1, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và: Ông Trần Đức L, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 11, Khu phố 1, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành **ngày 21 tháng 6 năm 2018**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành **ngày 21 tháng 6 năm 2018** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Trúc Đ và Ông Trần Đức L.

Giấy chứng nhận kết hôn **số 59 quyển số 01/2013** do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp **ngày 22 tháng 4 năm 2013** cho Bà Nguyễn Thị Trúc Đ và Ông Trần Đức L không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc Đ và Ông Trần Đức L cùng xác định có một con chung tên Trần Nguyễn Gia K (nam), sinh ngày 15/7/2017. Hai bên thống nhất giao con chung cho Bà Nguyễn Thị Trúc Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị Trúc Đ không yêu cầu Ông Trần Đức L cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của Bà Nguyễn Thị Trúc Đ và Ông Trần Đức L về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc Đ và Ông Trần Đức L cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng Bà Nguyễn Thị Trúc Đ, Ông Trần Đức L có nghĩa vụ nộp, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng Bà Nguyễn Thị Trúc Đ, Ông Trần Đức L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0038926 ngày 04 tháng 6 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Hoà